

Số: 36 /2026/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và quy định tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 274/TTr-SNNMT ngày 20 tháng 4 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và quy định tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và quy định tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026 - 2030, gồm:

a) Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 (Phụ lục I).

b) Quy định tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 (Phụ lục II).

2. Quyết định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan; Ủy ban nhân dân các xã; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trong quá trình triển khai Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và quy định tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Danh sách xã nhóm 1, xã nhóm 2, xã nhóm 3 thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026 - 2030

1. Xã nhóm 1: 09 xã, gồm: Vạn Ninh, Vạn Thắng, Diên Khánh, Diên Lạc, Diên Điền, Cam Lâm, Ninh Sơn, Ninh Phước, Cà Ná.

2. Xã nhóm 2: 19 xã, gồm: Đại Lãnh, Tu Bông, Vạn Hưng, Bắc Ninh Hòa, Hòa Trí, Tây Ninh Hòa, Tân Định, Nam Ninh Hòa, Khánh Vĩnh, Diên Lâm, Diên

Thọ, Suối Hiệp, Suối Dầu, Cam An, Nam Cam Ranh, Xuân Hải, Vĩnh Hải, Thuận Nam, Phước Dinh.

3. Xã nhóm 3: 20 xã, gồm: Bắc Khánh Vĩnh, Lâm Sơn, Phước Hữu, Phước Hậu, Ninh Hải, Cam Hiệp, Thuận Bắc, Phước Hà, Công Hải, Anh Dũng, Mỹ Sơn, Bắc Ái, Bắc Ái Tây, Bắc Ái Đông, Trung Khánh Vĩnh, Tây Khánh Vĩnh, Nam Khánh Vĩnh, Khánh Sơn, Đông Khánh Sơn, Tây Khánh Sơn.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh

a) Căn cứ hướng dẫn của các bộ, cơ quan Trung ương liên quan và chức năng, nhiệm vụ được giao, ban hành hướng dẫn và triển khai thực hiện đối với các nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026 - 2030.

b) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và điều kiện thực tế, ban hành hướng dẫn và triển khai thực hiện các quy định tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026 - 2030.

c) Định kỳ hàng quý (trước ngày 25 tháng cuối quý) và hằng năm (trước ngày 25/11) báo cáo kết quả triển khai các nội dung tiêu chí được phân công phụ trách trên địa bàn các xã gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan đôn đốc Ủy ban nhân dân các xã triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030. Định kỳ hàng quý (trước ngày 30 tháng cuối quý) và hằng năm (trước ngày 30/11) tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

b) Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã nghiên cứu, rà soát, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và quy định tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại nêu trên, phù hợp với điều kiện thực tế.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã tổ chức triển khai quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt nông thôn mới hiện đại theo đúng quy định của Trung ương.

3. Ủy ban nhân dân các xã

a) Căn cứ điểm a, điểm b, khoản 1, Điều 1 Quyết định này, hướng dẫn của các

sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan đối với các nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và quy định tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026 - 2030 và điều kiện thực tế của địa phương, triển khai thực hiện hoàn thành nhiệm vụ xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại theo kế hoạch.

b) Định kỳ hàng quý (trước ngày 20 tháng cuối quý) và hằng năm (trước ngày 20/11) báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội hằng năm tổ chức phối hợp giám sát việc thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn, đa dạng các hình thức tuyên truyền về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 5 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KTVB và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cơ quan Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Sở Tư pháp;
- UBND các xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Khánh Hòa;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, các phòng, ban, trung tâm;
- TTCB và CTTĐT tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT, TB, TLe, HC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trịnh Minh Hoàng

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Quyết định Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và quy định tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026 - 2030)



Phụ lục I

TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Tên cơ quan chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị được phê duyệt ¹ , được công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch	Đạt	Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị	Có quy hoạch chung xã		Sở Xây dựng
		1.2. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	Đạt	Đạt	Đạt	Không quy định	
		1.3. Có quy chế quản lý kiến trúc được phê duyệt hoặc được tích hợp trong quy hoạch chung xã	Đạt	Đạt	Đạt	Không quy định	

¹ Quy hoạch phải đáp ứng các yêu cầu về thực hiện bố trí ổn định dân cư (áp dụng đối với xã có nhu cầu cần bố trí, sắp xếp ổn định cho các đối tượng thuộc các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng; hình thức bố trí: tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ).

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Tên cơ quan chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
2	Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.1. Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo kết nối và được bảo trì hàng năm; tỷ lệ đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%, tỷ lệ km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt $\geq 50\%$; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa	Đạt	Đường xã đạt tiêu chuẩn đường đô thị, phù hợp với tốc độ đô thị hoá; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa đạt tỷ lệ 100%	Đường xã đảm bảo kết cấu hạ tầng kỹ thuật, có các hạng mục cần thiết theo quy định; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa đạt tỷ lệ $\geq 90\%$	Đáp ứng chỉ tiêu chung	Sở Xây dựng
		2.2. Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	Đạt	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ $\geq 90\%$, có áp dụng công nghệ tiên tiến, phù hợp với phát triển nông nghiệp đô thị	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ $\geq 80\%$, có áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm đối với cây trồng chủ lực	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động bởi công trình thủy lợi (nếu có) đạt tỷ lệ $\geq 50\%$, phù hợp với điều kiện địa hình, thủy văn, tập quán canh tác địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		2.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Tốt	Khá	Đạt	
		2.4. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	$\geq 98\%$	$\geq 99\%$	$\geq 99\%$	$\geq 98\%$	Sở Công Thương

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Tên cơ quan chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		2.5. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Đạt	Có chợ đạt chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm theo quy định hoặc có siêu thị hạng 3 trở lên	Có chợ đáp ứng các yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm hoặc có ít nhất một khu vực kinh doanh đáp ứng yêu cầu đối với các cơ sở kinh doanh thực phẩm tại chợ hoặc có siêu thị mini trở lên	Có chợ phù hợp với quy hoạch hoặc có cơ sở bán lẻ khác phù hợp	Sở Công Thương
		2.6. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Phát triển kinh tế nông thôn	3.1. Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người	Bình quân từ 9,5 - 12%/năm	Đạt	Đạt	Đạt	Thống Kê tỉnh
		3.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Tên cơ quan chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		3.3. Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	≥01 mô hình	≥03 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc ≥01 mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	≥02 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc ≥01 mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	≥01 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc ≥01 mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn phù hợp điều kiện thực tế của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.4. Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương	Đạt	Có kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026 – 2030. Có ít nhất 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên còn thời hạn, hoặc có ít nhất 02 sản phẩm OCOP 3 sao còn thời hạn và có lộ trình cụ thể trong kế hoạch để phát triển ít nhất 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên. Tỷ lệ chủ thể là các HTX, doanh nghiệp nhỏ và vừa; tỷ lệ phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh duy trì bằng kết quả ở thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đánh giá		Có kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026 – 2030. Có sản phẩm OCOP được công nhận đạt 3 sao trở lên còn thời hạn. Tỷ lệ chủ thể là các HTX, doanh nghiệp nhỏ và vừa; tỷ lệ phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh duy trì tối thiểu bằng kết quả ở thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đánh giá	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Tên cơ quan chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		3.5. Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương	Đạt	100% điểm du lịch nông thôn trên địa bàn xã được công nhận là điểm du lịch hoặc là điểm du lịch cộng đồng hoặc được công nhận là sản phẩm OCOP; có sự tăng trưởng về quy mô lượng khách du lịch hằng năm (trong 02 năm trước liền kề năm đánh giá)		100% điểm du lịch nông thôn trên địa bàn xã được công nhận là điểm du lịch hoặc là điểm du lịch cộng đồng hoặc được công nhận là sản phẩm OCOP. Trong đó, ít nhất 01 điểm du lịch đặc trưng, thể hiện bản sắc độc đáo của xã được công nhận sản phẩm OCOP; có sự tăng trưởng về quy mô lượng khách du lịch hằng năm (trong 02 năm trước liền kề năm đánh giá)	Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện theo lĩnh vực quản lý
		3.6. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Tài chính
		3.7. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	≥01	Không quy định	≥01	≥01	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.8. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định	≥40%	≥60%	≥50%	≥40%	Hội Nông dân tỉnh

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Tên cơ quan chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		3.9. Có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Tài chính
		3.10. Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp hoặc làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ quy mô phù hợp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật	≥01	≥01	≥01	≥01	Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp hướng dẫn thực hiện theo lĩnh vực quản lý ngành
4	Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn	4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	≥27%	≥40%	≥35%	≥27%	Sở Nội vụ
		4.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
5	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	5.1. Xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		5.2. Xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
		5.3. Xã đạt tiêu chí quốc	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Y tế

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Tên cơ quan chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		gia về y tế 5.4. Trạm y tế xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
6	Giảm nghèo và An sinh xã hội	6.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều	≤2%	≤2%	≤5%	≤13%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố	≥75%	≥95%	≥85%	≥75%	Sở Xây dựng
		6.3. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Đạt	Có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ≥80% (trong đó phải có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung)	Có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ≥70% (trong đó phải có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung)	Có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ≥40% (bao gồm tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước hộ gia đình và công trình cấp nước tập trung (nếu có))	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Tên cơ quan chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an ² ”	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
		6.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nội vụ
		6.6. Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có)	Đạt	≥ 90% số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp			Sở Y tế
		6.7. Đảm bảo an toàn thực phẩm	Đạt	Có 100% số hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại địa bàn xã tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm			Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế, Sở Công Thương hướng dẫn thực hiện theo lĩnh vực quản lý ngành
7	Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số	7.1. Điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Khoa học và Công nghệ
		7.2. Tỷ lệ số hóa dữ liệu về nông nghiệp và môi trường	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường

² 3 an: an toàn - an tâm - an sinh.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Tên cơ quan chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		7.3. Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử	Đạt	Đạt	Đạt	Không quy định	Sở Công Thương
		7.4. Có mô hình thôn thông minh	≥01 mô hình	≥02 mô hình	≥01 mô hình	Không quy định	Sở Khoa học và Công nghệ
8	Môi trường và cảnh quan nông thôn	8.1. Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt ≥80%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng chất thải rắn phát sinh	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		8.2. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	
		8.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ³ , làng	100%	100%	100%	100%	

³ Bao gồm cả cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông lâm thủy sản.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Tên cơ quan chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		<p>nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường</p> <p>8.4. Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường</p>	Đạt	Đảm bảo tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý bằng biện pháp phù hợp đạt $\geq 50\%$. Có ít nhất 01 công trình xử lý nước thải sinh hoạt áp dụng biện pháp phù hợp	Đảm bảo tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý bằng biện pháp phù hợp đạt $\geq 50\%$.	Đảm bảo tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý bằng biện pháp phù hợp đạt $\geq 50\%$.	Sở Xây dựng
		8.5. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương trên địa bàn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính	9.1. Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nội vụ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh hướng dẫn thực hiện theo lĩnh vực quản lý ngành

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Tên cơ quan chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện	
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3		
	công	9.2. Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt $\geq 90\%$	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	
10	Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng	10.1. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Tư pháp	
		10.2. An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Công an tỉnh
		10.3. Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		10.4. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

Phụ lục II
(QUY ĐỊNH TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI HIỆN ĐẠI
GIAI ĐOẠN 2026-2030)

1. Là xã đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo quy định đối với xã nhóm 1 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026-2030).

2. Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới hiện đại phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nhóm 1 tại cùng thời điểm theo hướng dẫn của Thống kê tỉnh (Thống kê tỉnh là cơ quan chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện).

3. Đạt các tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại, bao gồm:

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Tên cơ quan chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện
1	Hạ tầng số và năng lượng	1.1. Tỷ lệ thôn có hạ tầng Internet băng rộng	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
		1.2. Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối internet băng rộng	$\geq 90\%$	
		1.3. Tỷ lệ các điểm công cộng (trụ sở xã, nhà văn hóa, trường học, trạm y tế, điểm du lịch...) được kết nối internet băng rộng	100%	
		1.4. Có hệ thống thông tin địa lý (GIS) và cơ sở dữ liệu số phục vụ quản lý dân cư, đất đai, hạ tầng, kinh tế - xã hội cấp xã	Đạt	
		1.5. Tỷ lệ công trình công cộng (trụ sở UBND xã, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, đường giao thông) được lắp đặt hệ thống năng lượng tái tạo	$\geq 70\%$	Sở Công Thương

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Tên cơ quan chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện
2	Nông nghiệp thông minh và kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế số nông thôn	2.1. Có mô hình nông nghiệp thông minh hoặc kinh tế số nông thôn do hợp tác xã hoặc doanh nghiệp vận hành (<i>khuyến khích mô hình có sự tham gia của thanh niên và phụ nữ</i>)	≥ 01 mô hình	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		2.2. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định	$\geq 70\%$	Hội Nông dân tỉnh
		2.3. Có hợp tác xã nông nghiệp sử dụng dữ liệu số trong sản xuất - kinh doanh (theo dõi thời tiết, đất đai, giống, dịch bệnh, thị trường...)	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		2.4. Có mô hình Trạm Y tế ứng dụng chuyển đổi số trong các hoạt động quản lý, điều hành, khám và chữa bệnh	Đạt	Sở Y tế
		2.5. Có mô hình Trường học ứng dụng chuyển đổi số trong các hoạt động dạy, học, quản lý, điều hành	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
		2.6. Có di sản văn hóa (nếu có) và các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ tiêu biểu, đặc trưng của xã được tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá trên các trang thông tin điện tử hoặc cơ quan báo, đài của địa phương	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3	Đào tạo nguồn nhân lực và an sinh xã hội	3.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	$\geq 45\%$	Sở Nội vụ
		3.2. Tỷ lệ nghèo đa chiều	$\leq 1,5\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.3. Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn an toàn, tiện nghi	$\geq 30\%$	Sở Xây dựng
		3.4. Tỷ lệ hộ gia đình được sử	$\geq 90\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Tên cơ quan chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện
		dụng nước sạch theo quy chuẩn		trường
		3.5. Có mô hình hỗ trợ thanh niên, phụ nữ, người yếu thế tham gia lao động, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo	Đạt	Sở Nội vụ
		3.6. Có các hoạt động thúc đẩy bình đẳng giới, bảo vệ nhóm dễ bị tổn thương trong tiếp cận dịch vụ và cơ hội phát triển	Đạt	
4	Môi trường, cảnh quan và văn hóa	4.1. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 90\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		4.2. Có mô hình bảo vệ môi trường nông thôn theo hướng xanh, tuần hoàn hoặc giảm phát thải	Đạt	
		4.3. Môi trường sống nông thôn an toàn, lành mạnh; không có điểm nóng về ô nhiễm môi trường	Đạt	
		4.4. Hệ thống đường làng, ngõ xóm, khu dân cư được chỉnh trang đồng bộ, bảo đảm sáng - xanh - sạch - đẹp	Đạt	
		4.5. Có không gian xanh công cộng (cây xanh, mặt nước, khu sinh hoạt ngoài trời) phục vụ cộng đồng	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		4.6. Đổi mới, đa dạng hóa hình thức phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về phát triển văn hóa thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, phương thức truyền thông mới đa nền tảng, đa phương tiện	Đạt	
		4.7. Tỷ lệ thôn được tặng danh	$\geq 95\%$	

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Tên cơ quan chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện
		hiệu “thôn văn hoá”		
5	Quản trị hiện đại và an ninh trật tự	5.1. Chính quyền xã quản lý và sử dụng hiệu quả hệ thống dữ liệu số phục vụ điều hành, bảo đảm dữ liệu “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung”	Đạt	Sở Khoa học và Công nghệ
		5.2. Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã hoạt động theo mô hình hiện đại, lấy người dân làm trung tâm, gắn với chuyển đổi số và nâng cao trải nghiệm dịch vụ công	Đạt	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh
		5.3. Hệ thống trang thiết bị và hạ tầng kỹ thuật phục vụ bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn xã được đầu tư và vận hành theo hướng hiện đại, hỗ trợ giám sát, cảnh báo và phản ứng kịp thời	Đạt	Công an tỉnh
		5.4. Công tác bảo đảm an ninh, trật tự được triển khai theo mô hình an ninh cộng đồng hiện đại, có sự tham gia của người dân thông qua các cơ chế và kênh phản ánh phù hợp, hiệu quả	Đạt	
		5.5. Lực lượng Công an xã được xây dựng trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại	Đạt	